

Bản án số: **26/2018/HS-ST**

Ngày: 27 – 9 – 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Sầm

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Ông Đinh Hữu Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27/9/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS, ngày 20 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS, ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Thị T**, sinh năm 1963, tại Đ. Nơi cư trú: Số A T, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh S; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông: Đinh Văn P (chết) và bà Vũ Thị H (s); có chồng và có 04 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân:

- Năm 1991 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, (đã xóa án tích);

- Năm 1997 bị Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, (đã xóa án tích);

- Năm 2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 17/3/2012, (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/4/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Người bị hại:

1. Bà Dương Thị A, sinh năm 1930. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Danh Đồng Ma R, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Võ Văn T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1936. Quốc tịch Australia. Nơi cư trú: 4 C street, I B Q 4077, Australia. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đinh Thị Mộng T3, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số A, N, phường An Lạc, quận N, thành phố C; (có mặt)

2. Ông Lê Mộng K, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số A T, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh S. (vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Sơn Thị S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Đồng T4 (U), sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A T, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà Sơn Thị Thái D1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/4/2018, bị cáo Đinh Thị T điều khiển xe mô tô biển số 65B1-599.90 của con mình là Đinh Thị Mộng T3 đi vào hồ nước ngọt Sóc Trăng, sau đó tháo biển số 65B1-599.90 ra rồi gắn lại biển số 66C1-022.76, sau đó bị cáo điều khiển xe đến Chùa Bốn Mặt thuộc xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tại đây bị cáo phát hiện trên người bị hại Dương Thị A có đeo nhẫn nên tiếp cận làm quen để lấy tài sản. Bị cáo nói mình làm ở phụ nữ xã, có Việt kiều muốn cho quà, tiền cho bị hại A 2.000.000đ, nghe vậy bà A đồng ý lên xe cho bị cáo chở đi về hướng ngã ba An Trạch, đến Chùa Salatel thuộc Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S thì bị cáo kêu bà A tháo nhẫn vàng 24k và đưa số tiền 884.000đ cho bị cáo cất giữ và nói dối bà A rằng nếu để người khác nhìn thấy đeo vàng thì sẽ không được cho

tiền. Khi bị cáo lấy được tài sản thì lúc đó có cháu bà A là Danh Đồng Ma R đến phát hiện nên lấy lại tài sản và giữ bị cáo lại rồi trình báo Công an xã Phú Tân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/2018/HĐĐG-TCKH, ngày 16/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành xác định theo giá mua vào: Chiếc nhẫn bằng kim loại vàng có trọng lượng 1,5 chỉ, loại vàng 24k, trị giá 5.340.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bị hại A là 6.224.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận trước khi bị bắt bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 14/01/2018, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 65B1-599.90 đến chợ Trà Quýt, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, tại đây bị cáo phát hiện bị hại Trần Thị Th, sinh năm 1944 có đeo bông tai vàng 24k nên bị cáo tiếp cận làm quen và nói dối bà Th là có người cho quà tết thì bà Th đồng ý lên xe cho bị cáo chở đi một đoạn rồi ghé vào 01 ngôi nhà đóng cửa, với thủ đoạn gian dối như trên bị cáo lấy tài sản của bà Th 01 đôi bông tai vàng 24k; 01 chiếc vòng cẩm thạch màu xanh có đính vàng loại vàng 18k. Sau khi lấy tài sản bị cáo chở bị hại Th đi thêm một đoạn rồi dừng lại kêu bà Th đi vào nhà một người dân để nhận tiền rồi bị cáo điều khiển xe chạy đi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/2018/HĐĐG-TCKH, ngày 24/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành theo giá mua vào: 01 đôi bông tai, cặp nặng 01 chỉ loại vàng 24k có giá trị là 3.575.500đ; 01 chiếc vòng cẩm thạch màu xanh có đính vàng loại vàng 18k, trọng lượng 5,5 chỉ có giá trị là 14.522.750 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại Th là 18.098.250 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 08/3/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 65B1-599.90 đến xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo phát hiện bị hại Trần Thị L, sinh năm 1936, quốc tịch Australia, tạm trú ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trên người có đeo nữ trang vàng nên bị cáo tiếp cận làm quen, sau đó bị cáo chở bà L ghé vào một ngôi nhà đóng cửa, bị cáo nói dối sẽ làm lại vòng, dây chuyền mới lớn hơn cho bà L đồng thời kêu bà L tháo vòng bằng vàng 24k và dây chuyền vàng 18k đưa bị cáo để làm kích cỡ, bà L cũng lấy tiền 1.200.000đ đưa cho bị cáo rồi bị cáo kêu bà L ngồi chờ còn bị cáo thì điều khiển xe chạy đi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1350/2018/HĐĐG-TCKH, ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Sóc Trăng xác định theo giá mua vào: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ, có giá trị 24.500.000 đồng; mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 06 chỉ, có giá trị 14.700.000đồng; 01 chiếc vòng tay vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ, có giá trị là 35.000.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại L là 75.400.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 99.722.250 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSST-P2, ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố Đinh Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng số 22/CT-VKSST-P2, ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và tuyên bố bị cáo Đinh Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và tự khai nhận 02 lần phạm tội trước đó; bị cáo tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về tình tiết nặng đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tuyên phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù;

Về phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trần Thị Th số tiền 8.098.250 đồng và bị hại Trần Thị L số tiền 60.400.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 66C1-022.76; 05 (năm) bao giấy in chữ tiem vàng Ngọc Lợi; 01 (một) bao giấy in chữ tiem vàng Ánh Sáng.

Tiếp tục quản lý các tài sản gồm: nữ trang, tiền và điện thoại mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người bị hại Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại Trần Thị Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại tòa người bị hại Dương Thị A, người đại diện theo ủy quyền của bị hại A là ông Danh Đồng Ma R; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Mộng K; người làm chứng Đồng T4 vắng mặt không lý do, riêng bị hại Trần Thị Th vắng mặt nhưng đã ủy quyền là ông Võ Văn T2, xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét thấy, lời khai bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục 170-219), phù hợp với lời khai của những người bị hại (bút lục 223-227; 241-247; 265-276), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do có ý thức xem thường pháp luật và vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên vào các ngày 14/01/2018, 08/3/2018 và ngày 14/4/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến khu vực thị trấn Châu Thành, xã Phú Tâm và xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng rồi tìm đối tượng là người già có mang theo tài sản là vàng hoặc tiền, thì bị cáo phát hiện được người bị hại bà Dương Thị A (88 tuổi), bà Trần Thị Th (74 tuổi) và bà Trần Thị L (82 tuổi), sau đó bằng các thủ đoạn gian dối bị cáo tiếp cận, hỏi thăm làm quen hay nhận họ hàng từ xa, đồng thời bị cáo đưa ra thông tin, lời nói dối để lấy lòng tin của người bị hại như: bị cáo nhận là cán bộ xã, nói dối các bị hại là có người cho quà, cho tiền các bị hại nhân dịp lễ, tết hoặc nhận họ hàng rồi nói dối cho thêm vàng bị hại, để từ đó người bị hại đồng ý đi theo bị cáo và bị cáo lấy tài sản của người bị hại cất giữ rồi bị cáo chiếm đoạt toàn bộ tài sản của người bị hại để tiêu xài cá nhân.

Với các thủ đoạn gian dối trên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người bị hại bà Dương Thị A là 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 1,5 chỉ và số tiền 884.000đ; bị hại Trần Thị Th 01 đôi bông tai vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc vòng cẩm thạch màu xanh có đính vàng loại vàng 18k, trọng lượng 5,5 chỉ và chiếm đoạt của bị hại Trần Thị L 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ; mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 06 chỉ; 01 chiếc vòng tay vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ và số tiền 1.200.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 99.722.250 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự) nên Cáo trạng số 22/CT-VKSST-P2, ngày 20/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, đã xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như thế mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội sau này và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Xét thấy, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Trong quá trình điều

tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tự thú khai nhận 02 lần phạm tội trước khi bị bắt; bị cáo tác động gia đình khắc phục số tiền cho bị hại L là 15.000.000 đồng, bị hại Th là 10.000.000 đồng; tại Tòa người bị hại Lonh, đại diện bị hại Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của những người bị hại là người già từ 70 tuổi trở lên, do đó đối với bị cáo cần áp dụng các tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm g, i Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn truy tố, bị hại Trần Thị Th đã nhận số tiền khắc phục của gia đình bị cáo là 10.000.000 đồng và bị hại Trần Thị L đã nhận 15.000.000 đồng (bút lục 357-358). Tại tòa đại diện của người bị hại Th yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền là 8.098.250 đồng, bị hại L yêu cầu bồi thường 60.400.000 đồng. Tại tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên Tòa ghi nhận.

Riêng đối với bị hại Dương Thị A trong quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo bồi thường do tài sản đã thu hồi trả cho bị hại A (bút lục 73) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng, đồ vật thu giữ:

Đối với 01 (một) biển số xe 66C1-022.76, đây là công cụ phạm tội và không còn giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy;

Đối với 05 (năm) bao giấy in chữ tiệm vàng Ngọc Lợi; 01 (một) bao giấy in chữ tiệm vàng Ánh Sáng, xét thấy không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với các tài sản gồm nữ trang, tiền (tiền Việt Nam và ngoại tệ) và điện thoại di động do Cơ quan điều tra thu giữ. Xét thấy các tài sản nêu trên là tài sản của bị cáo và chồng bị cáo là ông Lê Mộng K, tại quá trình điều tra (bút lục 317-318, 355) ông Lê Mộng K đồng ý dùng số tài sản trên để đảm bảo cho bị cáo thi hành án nên Tòa ghi nhận và tiếp tục quản lý số tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Mộng T3 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66B1-599.90, xét thấy bà T3 không biết bị cáo sử dụng xe đi đâu và nhằm mục đích gì nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với T3 là có căn cứ.

[11] Qua vụ án này, để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả, Hội đồng xét xử khuyến cáo đến mọi người dân phải thật cảnh giác trước mọi thủ đoạn

gian dối như nói dối có người cho tiền, cho quà, giả làm cán bộ,... tiếp cận người bị hại để chiếm đoạt tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, r, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g, i Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Tuyên xử: Phạt bị cáo Đinh Thị T 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại Trần Thị Th số tiền là 8.098.250 đồng và bồi thường cho người bị hại Trần Thị L số tiền 60.400.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) biển số xe 66C1-022.76;
- 05 (năm) bao giấy in chữ tiêm vàng Ngọc Lợi;
- 01 (một) bao giấy in chữ tiêm vàng Ánh Sáng.

Giao Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý các tài sản dưới đây để đảm bảo thi hành án, cụ thể gồm:

- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, ký hiệu XP L7;
- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, có viên một viên đá màu đỏ và nhiều viên đá màu trắng nhỏ, ký hiệu VT680;
- 01 (một) chiếc nhẫn trơn kim loại màu trắng – vàng;
- 01 (một) đôi bông kim loại màu trắng, có hạt đá màu trắng;
- 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, có hai hạt đá màu trắng;
- 01 (một) vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, có nhiều hạt đá màu trắng nhỏ;
- 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng hiệu KLCTS 17K;
- 01 (một) dây chuyền và mặt dây chuyền hình hoa bằng kim loại vàng, có nhiều hạt đá nhỏ màu trắng;
- 01 (một) nhẫn trơn bằng kim loại màu trắng có chữ Ngọc Lợi 2C 999;
- 01 (một) nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng có chữ Ngọc Lợi 1C 999;

- 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, có nhiều hạt đá màu trắng nhỏ, ký hiệu STC 68%;

- 01 (một) nhẫn có hoa văn bằng kim loại màu vàng có chữ NL 23K5C;

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, có hạt đá màu đỏ, xung quanh có hạt đá màu trắng, ký hiệu HTT 15K;

- 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu trắng, có hạt đá màu trắng;

- 01 (một) điện thoại hiệu Nokia màu đen-xám số sê ri 059X4Q4, có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 4GB;

- Tiền Việt Nam tổng cộng 6.631.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng);

- 09 (chín) tờ tiền Đô la Mỹ, mệnh giá 01 (một) USD, có các số seri: F48303247G; A49838993C; D24412716F; F35126951M; K90754524D; F66533320 K; F29851631L; F07361801M; F07361802H.

- 05 (năm) tờ tiền Đô la Mỹ, mệnh giá 02 (hai) USD, có các số seri: B35401552A; L09965579A; G11739670A; B21768733A; L16310698A.

- 01 (một) tờ tiền Campuchia, mệnh giá 100 (một trăm) có số seri 5168258.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm là 3.425.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng, đã tính tròn số).

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- PNVKT-THA-TANDTST;
- Bị cáo, ĐDHBPB;
- Lưu THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Rết